TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157 /2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 22-9-2017.
V/v: *"Tranh chấp ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QN, TỈNH QN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Hòa;

2. Bà Mai Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến, cán bộ Tòa án nhân dân huyện QN, tỉnh QN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hướng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện QN, tỉnh QN mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 129/2017/TLST – HNGĐ ngày 24/7/2017 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 9, thị trấn HL, huyện TB, tỉnh QN.

Bị đơn: Anh Phạm Đức Ta (Phạm Ta), sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn 8A, xã QP, huyện QS, tỉnh QN.

Chị T và anh Ta đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2017, tại bản tự khai, các buổi hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Đức Ta tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã QP, huyện QS cấp Giấy chứng nhận kết

hôn ngày 29/12/2006. Trong cuộc sống hôn nhân anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh Ta không có trách nhiệm với gia đình, đánh đập chị, ghen tuông vô cớ, xúc phạm đến chị và gia đình cha, mẹ chị. Mâu thuẫn giữa chị và anh Ta đã tồn tại từ lâu, đến nay nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và chị không thể chung sống với anh Ta được nữa nên yêu cầu giải quyết ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Ta có hai người con chung tên Phạm ĐA, sinh ngày 27/11/2007 và Phạm ĐMA, sinh ngày 24/3/2013. Chị yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu anh Ta cấp dưỡng nuôi con chung.

Về Ta sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, các buổi hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Đức Ta (Phạm Ta) trình bày: Anh và chị Phan Thị T kết hôn vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quế Phú trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Do hoàn cảnh gia đình còn mẹ già, anh phải sống cảnh hai quê nên không quan tâm, chăm sóc, gần gũi vợ và con cái nhiều nên vợ mới bức xúc làm đơn ly hôn. Nhưng bản thân anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ về lo cho hai con còn nhỏ vì vậy, tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị T có hai người con chung tên Phạm ĐA, sinh ngày 27/11/2007 và Phạm ĐMA, sinh ngày 24/3/2013. Anh có nguyện vọng hai con được sống với cha.

Về Ta sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân huyện Quế Sơn:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị T. Cho ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Phạm Đức Ta. Về con chung: Giao hai cháu là Phạm ĐA và cháu Phạm ĐMA cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên, anh Ta không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các Ta liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phan Thị T có quan hệ hôn nhân với anh Phạm Đức Ta (Phạm Ta) có hộ khẩu thường trú tại thôn 8A, xã QP, huyện QS, tỉnh QN. Nay, chị T nộp đơn tại Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Ta. Vì vậy, quan hệ pháp luật cần giải quyết "tranh chấp về ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện QN, tỉnh QN theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Ta tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QP, huyện QS, tỉnh QN ngày 18/12/1996 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 145 (quyển số 02). Trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh Ta thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Ta đánh đập, ghen tuông, có những lời nói xúc phạm đến vợ và gia đình vợ. Mâu thuẫn giữa chị T và anh Ta đã xảy ra một thời gian rất lâu, âm ỉ. Đến nay, cuộc sống vợ chồng luôn trong không khí căng thẳng, không có hạnh phúc. Mặc khác, chị T không còn tình cảm gì với anh Ta và cương quyết ly hôn. Xét thấy hai bên có những mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp, có căn cứ theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa chị T và anh Ta có hai người con chung tên Phạm ĐA, sinh ngày 27/11/2007 và Phạm ĐMA, sinh ngày 24/3/2013. Từ nhỏ đến nay hai cháu đều chung sống với chị T và theo học tại thị trấn HL, huyện TB, tỉnh QN. Chị T là người chăm sóc các con chủ yếu, anh Ta ít quan tâm chăm sóc con, do thường xuyên ở và chăm mẹ già tại xã Quế Phú, huyện Quế Sơn. Chị T hiện đang là giáo viên mầm non, thu nhập thường xuyên 5.833.000 đồng/tháng đảm bảo cho việc nuôi dạy và chăm sóc con. Anh Ta hiện làm nhân viên bảo vệ, công việc của anh Ta là làm theo ca, kể cả ban đêm, nên không đảm bảo việc trực tiếp nuôi dạy các con. Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai của cháu Phạm ĐA thì nguyện vọng của cháu được ở với mẹ. Vì vậy để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý, việc học hành và sự phát triển toàn diện của hai cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai cháu cho chị Phan Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị T không yêu cầu anh Ta cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Phạm Đức Ta (Phạm Ta).

2. Về con chung: Giao hai cháu Phạm ĐA, sinh ngày 27/11/2007 và Phạm ĐMA, sinh ngày 24/3/2013 cho chị Phan Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Đức Ta không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ta có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0006451 ngày 24/7/2017 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện QN, tỉnh QN.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/9/2017).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thọ